TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 3 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 3 · Đề số 30

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Trong số 129, chữ số 9 có giá trị là:

A. 129 **B.** 90 **C.** 9 **D.** 900

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 15 : ……. = 3

A. 6 **B.** 10 **C.** 8 **D.** 5

Câu 3. *(0,5 điểm)* Phép chia 78 : 7 có số dư là:

A. 1 **B.** 6 **C.** 2 **D.** 11

Câu 4. *(0,5 điểm)* Giá trị của biểu thức 72 + 5 × 4 là:

A. 97 **B.** 102 **C.** 308 **D.** 92

Câu 5. *(0,5 điểm)* Giảm 81 đi 9 lần được:

A. 9 **B.** 10 **C.** 72 **D.** 729

Câu 6. *(0,5 điểm)* Phần đã tô màu của hình bên là một phần mấy của hình đó?



A. 1/6 **B.** 1/9 **C.** 1/5 **D.** 1/4

Câu 7. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm: 3 m = ……. dm

A. 3 **B.** 300 **C.** 3000 **D.** 30

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình vuông có mấy góc vuông?

A. 3 góc vuông **B.** 4 góc vuông **C.** 2 góc vuông **D.** 1 góc vuông

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 522 + 279 = …….

b) 785 − 296 = …….

c) 237 × 2 = …….

d) 279 : 9 = …….

Câu 10. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 5 × 6 …… 31

b) 1 m …… 100 cm

c) 5 m 2 cm …… 492 cm

d) 1/5 của 40 …… 1/3 của 21

Câu 11. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 9, 12, 15, 18, ……, ……

b) 119, 121, ……, 125, ……, 129

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Gấp 25 lên 5 lần: ……

b) Giảm 45 đi 5 lần: ……

c) 45 thêm 6 đơn vị: ……

d) Gấp 45 lên 6 lần: ……

Câu 13. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Hình tròn có bán kính 10 cm thì đường kính là …… cm.

b) Hình tròn có đường kính 28 dm thì bán kính là …… dm.

c) M là trung điểm của đoạn thẳng AB dài 40 mm. Đoạn MB dài …… mm.

Câu 14. *(1 điểm)* Tổ Một trồng được 14 cây. Tổ Hai trồng được gấp 4 lần số cây của tổ Một. Hỏi cả hai tổ trồng được bao nhiêu cây?

a) Tổ Hai trồng được: …… cây

b) Cả hai tổ trồng được: …… cây

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 3 · Đề số 30

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	D	A	D	A	D	D	B

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 522 + 279 = 801

b) 785 − 296 = 489

c) 237 × 2 = 474

d) 279 : 9 = 31

Câu 10.

a) 5 × 6 = 30 nên điền dấu «<»

b) 1 m = 100 cm nên điền dấu «=»

c) 5 m 2 cm = 502 cm nên điền dấu «>»

d) 1/5 của 40 là 8; 1/3 của 21 là 7 nên điền dấu «>»

Câu 11.

a) Đếm thêm 3: 9, 12, 15, 18, 21, 24

b) Mỗi số hơn số trước 2 đơn vị: 119, 121, 123, 125, 127, 129

Câu 12.

a) 25 × 5 = 125

b) 45 : 5 = 9

c) 45 + 6 = 51

d) 45 × 6 = 270

Thêm một số đơn vị thì cộng, gấp lên nhiều lần thì nhân, giảm đi nhiều lần thì chia.

Câu 13.

a) 10 × 2 = 20 (cm)

b) 28 : 2 = 14 (dm)

c) 40 : 2 = 20 (mm)

Câu 14.

Tổ Hai: 14 × 4 = 56 (cây)

Cả hai tổ: 14 + 56 = 70 (cây)